



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 22
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh tiền thân là Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015, và Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 23000898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phương Quý	Thành viên
Ông Lê Xuân Kháng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Quyết	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng ban	
Ông Trần Mạnh Thường	Thành viên	
Ông Hồ Ngọc Toàn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Hồng Lê	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Quyết

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh được lập ngày 18 tháng 02 năm 2022, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1
Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.114.200.960	64.856.554.764
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.793.432.062	11.625.277.195
111	1. Tiền		7.793.432.062	8.095.277.195
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	3.530.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		48.000.000.000	47.258.333.261
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	48.000.000.000	47.258.333.261
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.704.594.755	5.474.205.914
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.610.534.857	4.235.896.865
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	585.626.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	438.395.219	652.683.049
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(344.335.321)	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	1.402.326.387	392.892.056
141	1. Hàng tồn kho		1.402.326.387	392.892.056
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		213.847.756	105.846.338
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	67.483.561	105.846.338
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	146.364.195	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.162.845.710	11.946.835.662
220	II. Tài sản cố định		9.782.590.683	11.412.246.712
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.119.982.596	10.701.739.245
222	- Nguyên giá		17.961.918.531	17.846.054.895
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.841.935.935)	(7.144.315.650)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	662.608.087	710.507.467
228	- Nguyên giá		957.987.597	957.987.597
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(295.379.510)	(247.480.130)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		380.255.027	534.588.950
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	380.255.027	534.588.950
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		77.277.046.670	76.803.390.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.024.441.477	13.449.445.130
310	I. Nợ ngắn hạn		12.981.441.477	13.406.445.130
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	874.620.470	722.134.603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	4.330.675.190	2.926.192.578
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.102.147.547	3.213.280.399
314	4. Phải trả người lao động		4.635.513.305	4.694.471.877
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		40.000.000	45.454.545
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	555.225.764	805.821.927
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.443.259.201	999.089.201
330	II. Nợ dài hạn		43.000.000	43.000.000
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		43.000.000	43.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.252.605.193	63.353.945.296
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	64.252.605.193	63.353.945.296
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.175.920.000	44.175.920.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.175.920.000	44.175.920.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(437.000.000)	(437.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.148.078.000	8.000.765.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.365.607.193	11.614.260.296
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.164.585.296	1.315.634.909
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.201.021.897	10.298.625.387
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		77.277.046.670	76.803.390.426

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Quyết
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	50.047.381.273	61.083.721.852
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.047.381.273	61.083.721.852
11	4. Giá vốn hàng bán	19	40.560.518.726	47.260.132.199
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.486.862.547	13.823.589.653
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.611.661.484	3.047.243.165
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.888.041.229	4.896.596.302
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.210.482.802	11.974.236.516
31	11. Thu nhập khác		9.936	909.283
32	12. Chi phí khác		2.160	-
40	13. Lợi nhuận khác		7.776	909.283
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.210.490.578	11.975.145.799
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.009.468.681	1.676.520.412
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>6.201.021.897</u>	<u>10.298.625.387</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.418	2.355

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Quyết

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		59.065.430.876	71.283.854.733
02 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(26.823.433.083)		(30.004.955.625)
03 3. Tiền chi trả cho người lao động	(18.112.906.411)		(18.997.621.929)
05 4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.626.520.412)		(2.149.865.022)
06 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	457.451.039		1.220.462.856
07 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(5.170.821.251)		(6.591.077.992)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.789.200.758	14.760.797.021
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(115.863.636)		(4.129.322.727)
23 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(91.000.000.000)		(48.000.000.000)
24 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	90.258.333.261		37.000.000.000
27 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.611.661.484		2.788.909.904
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.754.131.109	(12.340.412.823)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.375.177.000)		(4.792.388.700)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.375.177.000)	(4.792.388.700)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.168.154.867	(2.372.004.502)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.625.277.195	13.997.281.697
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm		15.793.432.062	11.625.277.195


Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Quyết
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh tiền thân là Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015, và Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 23000898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 44.175.920.000 đồng, tương đương 4.417.592 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 137 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, công nghiệp, nông thôn; Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
- Máy móc, thiết bị	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10 năm
- Các tài sản khác	04-25 năm

Tài sản cố định vô hình là chi phí sản sinh được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí sản sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho thời gian 20 năm.

2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.13 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty được giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2021 đối với các doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.14 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	19.564.298	28.166.206
Tiền gửi ngân hàng	7.773.867.764	8.067.110.989
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	3.530.000.000
	15.793.432.062	11.625.277.195

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3%/năm đến 3,3 %/năm.

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.000.000.000	47.258.333.261
	48.000.000.000	47.258.333.261

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 6,3%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh	-	-	481.383.000	-
- Ủy ban nhân dân phường Vạn An	165.118.000	-	285.118.000	-
- Ban Quản lý các dự án công trình chỉnh trang đô thị thành phố Bắc Ninh	558.000	-	465.879.000	-
- Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	849.012.000	-	1.136.973.000	-
- Đối tượng khác	595.846.857	(344.335.321)	1.866.543.865	-
	1.610.534.857	(344.335.321)	4.235.896.865	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ký cược, ký quỹ	62.903.461	184.150.057
- Phải thu khác	375.491.758	468.532.992
+ Phan Khắc Hoàn	74.941.478	104.953.778
+ Đào Anh Phương	62.401.056	86.903.556
+ Đối tượng khác	238.149.224	276.675.658
	438.395.219	652.683.049

7 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc	Giá trị có
	VND	thể thu hồi VND	VND	thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Công ty TNHH Giấy Quốc Toàn	103.313.963	69.877.500	103.313.963	103.313.963
- Công ty TNHH Vương Ạn Phú	56.364.749	-	56.364.749	56.364.749
- Hộ Kinh doanh Sản xuất giấy Nguyễn Văn Nhất	46.447.052	-	46.447.052	46.447.052
- Các đối tượng khác	389.721.093	181.634.036	389.721.093	389.721.093
	595.846.857	251.511.536	595.846.857	595.846.857

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật	256.714.851	344.987.056
- Công cụ, dụng cụ	20.838.000	47.905.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.124.773.536	-
	1.402.326.387	392.892.056

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2021 là chi phí san nền tại trụ sở chính Công ty với nguyên giá và hao mòn lũy kế là 957.987.597 VND và 295.379.510VND, khấu hao trong năm 2021 là 47.899.380 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	36.424.943	42.734.647
- Các khoản khác	31.058.618	63.111.691
	67.483.561	105.846.338
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	321.643.948	465.325.003
- Chi phí sửa chữa, chi phí khác	58.611.079	69.263.947
	380.255.027	534.588.950

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hải Viện	-	209.605.000
- Công ty TNHH Hà Giang	251.691.000	70.642.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Phúc Anh	181.617.205	-
- Công ty TNHH Môi trường Đăng Quang Bắc Ninh	171.600.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Hóa chất Thái Hà	99.000.000	71.500.000
- Công ty TNHH HARICO	-	129.890.000
- Công ty TNHH Khánh Hưng Bắc Ninh	81.078.800	81.078.800
- Trung tâm phát triển công nghệ CECO	-	116.004.781
- Các đối tượng khác	89.633.465	43.414.022
	874.620.470	722.134.603

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh	1.277.365.290	2.663.925.242
- Ban Quản lý các dự án công trình chỉnh trang đô thị thành phố Bắc Ninh	2.748.824.000	14.503.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển thương mại Thanh Bình	304.485.900	213.754.400
- Các đối tượng khác	-	34.009.936
	4.330.675.190	2.926.192.578

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	14.530.656	14.479.696
- Bảo hiểm xã hội	186.023.600	-
- Bảo hiểm y tế	-	197.568
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.925.192	-
- Phải trả về cổ phần hoá	124.447	124.447
- Cổ tức còn phải trả	2.356.000	1.596.000
- Phải trả cho đội xây lắp số 1	127.326.872	399.125.833
- Phải trả cho đội xây lắp số 2	-	223.067.580
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	218.938.997	167.230.803
	555.225.764	805.821.927

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 03

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại Phú Điền	30.708.100.000	69,51	30.708.100.000	69,51
- UBND tỉnh Bắc Ninh	9.747.820.000	22,07	9.747.820.000	22,07
- Cổ phiếu quỹ	437.000.000	0,99	437.000.000	0,99
- Các cổ đông khác	3.283.000.000	7,43	3.283.000.000	7,43
	44.175.920.000	100,00	44.175.920.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	44.175.920.000	44.175.920.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	44.175.920.000	44.175.920.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.596.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	4.373.892.000	4.812.877.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.373.892.000	4.812.877.200
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	4.373.132.000	4.811.281.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.373.132.000	4.811.281.200
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	2.356.000	1.596.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.417.592	4.417.592
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.417.592	4.417.592
- Cổ phiếu phổ thông	4.417.592	4.417.592
Số lượng cổ phiếu được mua lại	43.700	43.700
- Cổ phiếu phổ thông	43.700	43.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.373.892	4.373.892
- Cổ phiếu phổ thông	4.373.892	4.373.892
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất tại phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh với diện tích thuê là 4.976,7 m2, mục đích thuê đất xây dựng trung tâm điều hành và dịch vụ. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, thời gian thuê từ ngày 23/07/2017 đến ngày 19/09/2058.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Quản lý vận hành nhà máy và xử lý nước thải	40.951.460.000	39.974.790.906
Sửa chữa cải tạo	9.095.921.273	21.108.930.946
	50.047.381.273	61.083.721.852

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Quản lý vận hành nhà máy và xử lý nước thải	32.149.917.644	26.855.792.230
Sửa chữa cải tạo	8.410.601.082	20.404.339.969
	40.560.518.726	47.260.132.199

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	2.611.661.484	3.047.243.165
	2.611.661.484	3.047.243.165

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	2.869.227.642	2.516.471.962
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	206.135.388	294.252.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	584.267.812	716.500.544
Thuế, phí, và lệ phí	386.616.051	755.260.234
Chi phí dự phòng	344.335.321	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.708.114	224.633.430
Chi phí khác bằng tiền	335.750.901	389.477.633
	4.888.041.229	4.896.596.302

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.210.490.578	11.975.145.799
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.210.490.578	11.975.145.799
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.442.098.116	2.395.029.160
Số thuế TNDN được giảm (theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP)	(432.629.435)	(718.508.748)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.009.468.681	1.676.520.412
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.676.520.412	2.149.865.022
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.626.520.412)	(2.149.865.022)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	59.468.681	1.676.520.412

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.201.021.897	10.298.625.387
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.201.021.897	10.298.625.387
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.373.892	4.373.892
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.418	2.355

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.159.334.782	17.656.416.217
Chi phí nhân công	21.597.594.119	22.416.603.370
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.745.519.665	1.695.016.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.633.456.103	6.884.895.754
Chi phí khác bằng tiền	1.437.428.822	2.011.217.281
	46.573.333.491	50.664.149.355

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.133.401.283	1.106.734.816

Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh
Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh,
Bắc Ninh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quyết

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	6.247.277.944	124.424.481	11.474.352.470	-	-	17.846.054.895
- Mua trong năm	-	-	-	40.863.636	75.000.000	115.863.636
Số dư cuối năm	6.247.277.944	124.424.481	11.474.352.470	40.863.636	75.000.000	17.961.918.531
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.673.430.921	86.547.588	4.384.337.141	-	-	7.144.315.650
- Khấu hao trong năm	412.074.764	9.545.454	1.261.755.419	1.845.454	12.399.194	1.697.620.285
Số dư cuối năm	3.085.505.685	96.093.042	5.646.092.560	1.845.454	12.399.194	8.841.935.935
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.573.847.023	37.876.893	7.090.015.329	-	-	10.701.739.245
Tại ngày cuối năm	3.161.772.259	28.331.439	5.828.259.910	39.018.182	62.600.806	9.119.982.596

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.235.410.945 VND

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	1.308.634.845	2.869.836.833	3.318.980.012	-	859.491.666
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.676.520.412	1.009.468.681	2.626.520.412	-	59.468.681
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	228.125.142	363.136.800	408.074.742	-	183.187.200
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	350.899.455	497.263.650	146.364.195	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	3.213.280.399	4.596.341.769	6.853.838.816	146.364.195	1.102.147.547

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 03 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	44.175.920.000	(437.000.000)	4.089.040.000	10.929.681.109	58.757.641.109
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.298.625.387	10.298.625.387
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.911.725.000	(9.614.046.200)	(5.702.321.200)
Số dư cuối năm trước	44.175.920.000	(437.000.000)	8.000.765.000	11.614.260.296	63.353.945.296
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.201.021.897	6.201.021.897
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	4.147.313.000	(9.449.675.000)	(5.302.362.000)
Số dư cuối năm nay	44.175.920.000	(437.000.000)	12.148.078.000	8.365.607.193	64.252.605.193

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trị số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau :

	Số tiền VND
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	4.147.313.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	592.470.000
Chi trả cổ tức	4.373.892.000
Chi thù lao HĐQT và BKS	336.000.000
	9.449.675.000

